



UNITED NATIONS
VIET NAM



HỘI THẢO THAM VẤN KHUNG CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIỮA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC GIAI ĐOẠN 2022-2026

*Phần 2: Cooperation Framework Outcomes and the Theory
of Change*

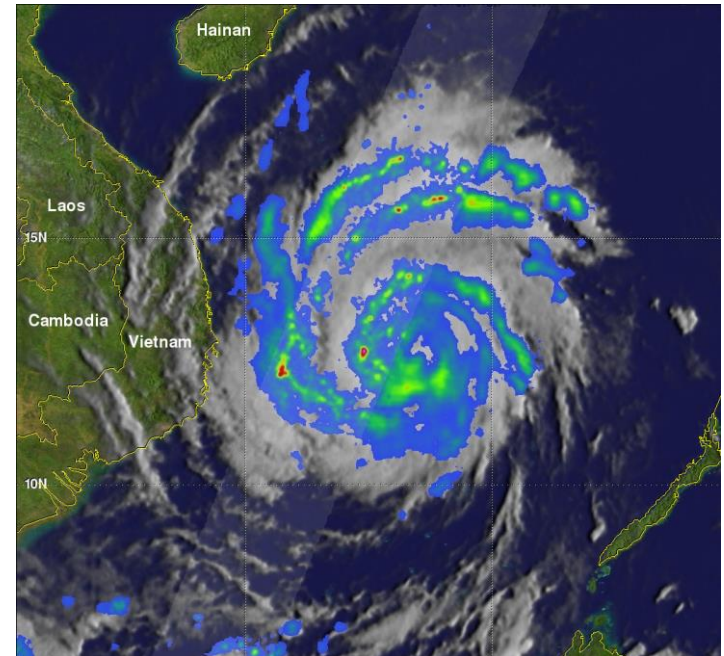
Kết quả 2: Ứng phó với Biến đổi Khí hậu, Khả năng
Chống chịu với Thiên tai và tính Bền vững của
Môi trường



Tổng quan

- Bài trình bày này gồm những nội dung sau:

1. Phân tích vấn đề tóm tắt
2. Lý thuyết về sự thay đổi: Đề xuất của Liên hợp quốc và Không để lại ai phía sau (các chỉ tiêu KNOB)
3. Các vấn đề xuyên suốt
4. Các giả định, rủi ro và quan hệ đối tác
5. Câu hỏi hướng dẫn thảo luận



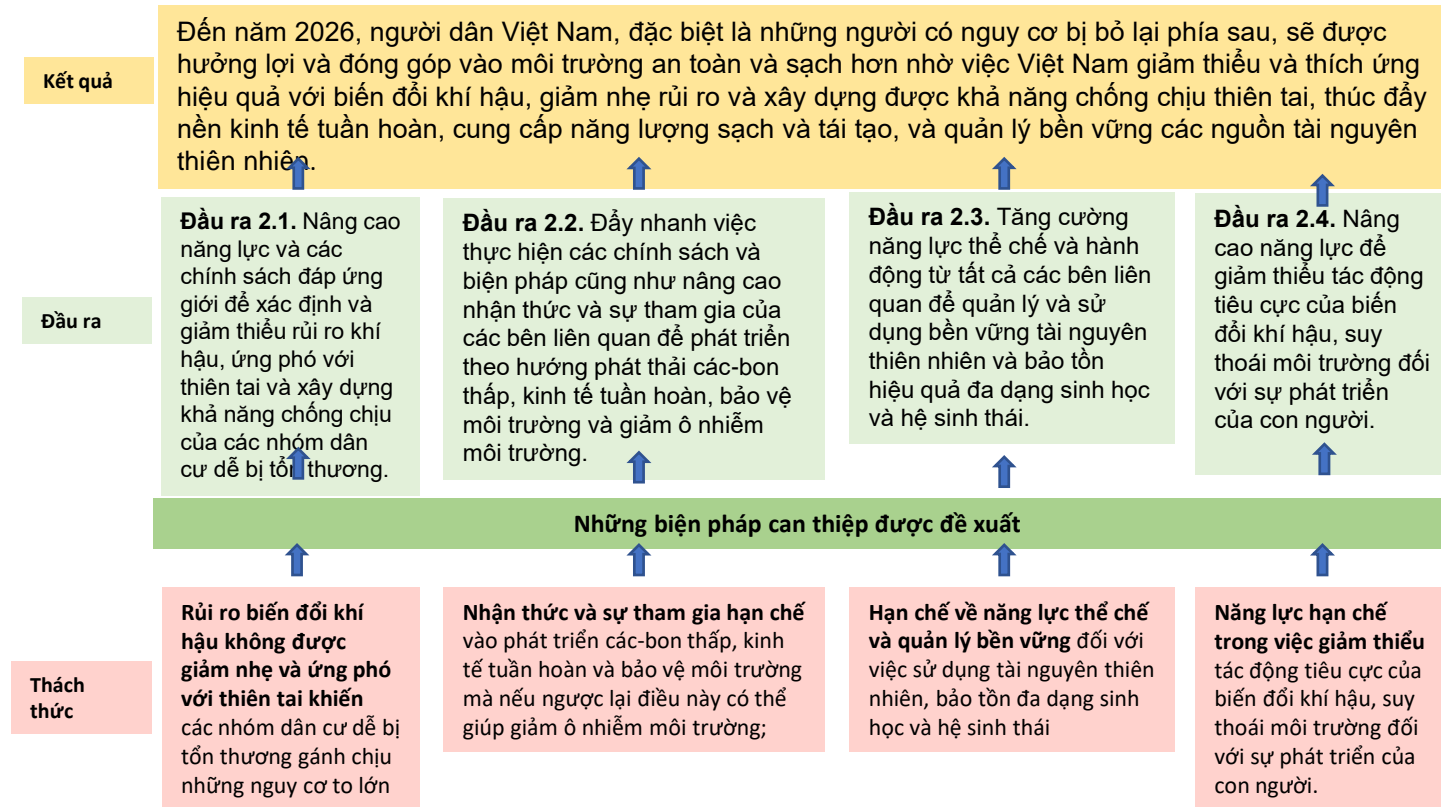
Phân tích Vấn đề Tóm tắt

- Một trong những trung tâm đa dạng sinh học phong phú nhất thế giới
- Một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất do tác động của biến đổi khí hậu
- Trong ba thập kỷ qua, các thảm họa liên quan đến khí hậu đã gây ra thiệt hại ước tính trung bình hàng năm từ 1-1,5% GDP và 430 người chết
- Cường độ năng lượng hiện tại của Việt Nam, được đo lường bằng mức sử dụng năng lượng trên một đơn vị Tổng sản phẩm quốc nội (GDP), không giúp được các vấn đề và không có những thay đổi đối với quỹ đạo tăng trưởng sử dụng nhiều carbon,
- Việt Nam sẽ tiếp tục là quốc gia phát thải Khí nhà kính (GHG) lớn trong khu vực với những tác động nghiêm trọng đến biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, cả hai đều góp phần gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe.



- Phân tích chỉ ra 4 thách thức chính tác động đến biến đổi khí hậu, khả năng chống chịu với thiên tai, tính bền vững của môi trường và việc đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững: (i) **Các rủi ro biến đổi khí hậu không được giảm thiểu** và ứng phó với các thảm họa khiến các nhóm dân cư dễ bị tổn thương đứng trước nguy cơ nghiêm trọng; (ii) **Nhận thức và tham gia thấp** vào phát triển các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường có thể giảm thiểu ô nhiễm môi trường; (iii) **Thiếu năng lực thể chế và quản lý bền vững** đối với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái; và (iv) **Năng lực hạn chế** trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường đối với sự phát triển của con người.

Lý thuyết thay đổi (KẾT QUẢ 2)



Lý thuyết về sự thay đổi: Đề xuất của Liên hợp quốc và Không để lại ai phía sau

(các chỉ tiêu KNDR)

Thách thức

i) Các rủi ro biến đổi khí hậu không được giảm thiểu và ứng phó với các thảm họa khiến các nhóm dân cư dễ bị tổn thương đứng trước nguy cơ nghiêm trọng

- Nâng cao năng lực, chính sách và nhiệm vụ quản lý đồng bộ và bền vững đa dạng sinh học và môi trường sống, ngăn chặn buôn bán và tiêu thụ sinh vật hoang dã.
- Tăng cường hệ thống cảnh báo sớm thông qua cải tiến đánh giá rủi ro, ứng dụng các công cụ và dữ liệu kỹ thuật số viễn thám và toàn diện.
- Cung cấp năng lực xác định các rủi ro do thiên tai và biến đổi khí hậu thông qua hệ thống bảo hiểm và chuyển giao rủi ro được nâng cao.
- Xây dựng hệ thống nông sản thực phẩm bền vững và có khả năng chống chịu.
- Cải thiện sự phối hợp của các đáp ứng của LHQ-Chính phủ-đối tác đối với các trường hợp khẩn cấp nhân đạo và thúc đẩy phục hồi xanh, có khả năng chống chịu.
- Tăng cường các khuôn khổ pháp lý về đáp ứng giới và tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của phụ nữ, trẻ em và thanh niên trong hành động vì khí hậu.
- Ưu tiên các giải pháp thuận thiên nhiên.

Thách thức

ii) Nhận thức và tham gia thấp vào phát triển các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường có thể giảm thiểu ô nhiễm môi trường

- Hỗ trợ các chính sách kinh tế tuần hoàn, tăng cường hệ thống quy phạm về môi trường, hỗ trợ chính phủ và các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ (MSME) áp dụng các công nghệ sạch và phát thải thấp.
- Giảm dần than và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch dẫn đầu cho việc tăng cường năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả, công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên và sản xuất và tiêu dùng bền vững.
- Thúc đẩy di chuyển điện tử, giao thông xanh và cơ sở hạ tầng, thành phố xanh và thông minh.
- Giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng để giảm sản xuất và tiêu thụ nhựa.
- Hỗ trợ quản lý hiệu quả các hóa chất độc hại, chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và chất thải y tế nói chung.
- Thiết lập hệ thống giám sát ô nhiễm công nghiệp trên toàn quốc và tăng cường và hiệu lực hóa các quy định đối với ô nhiễm (không khí, đất, nước).

Thách thức

iii) Thiếu năng lực thể chế và quản lý bền vững đối với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái

- Nâng cao năng lực, chính sách và nhiệm vụ quản lý đồng bộ và bền vững đa dạng sinh học và môi trường sống, ngăn chặn buôn bán và tiêu thụ sinh vật hoang dã.
- Thúc đẩy các cơ chế tài chính bền vững cho các hệ sinh thái bảo tồn và đa dạng sinh học.
- Ngăn chặn buôn bán và tiêu thụ sinh vật hoang dã.
- Đưa ra các cơ chế đổi mới để khu vực tư nhân tham gia bền vững vào các lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên.
- Thúc đẩy các chiến lược để đảm bảo cộng đồng địa phương được hưởng lợi và đóng góp vào việc bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên thiên nhiên.
- Áp dụng các giải pháp thuận với thiên nhiên để tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển vững bền và du lịch bền vững.

Lý thuyết về sự thay đổi: Đề xuất của Liên hợp quốc và Không để lại ai phía sau (các chỉ tiêu KNOB)

Thách thức

iv) Năng lực hạn chế trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường đối với sự phát triển của con người

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và cơ chế hỗ trợ cho các gia đình, phụ nữ và trẻ em chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.
- Tăng cường khung pháp lý về quyền môi trường của mọi người Việt Nam, bao gồm cả trẻ em.
- Cải thiện các dịch vụ y tế chống chịu với khí hậu và thảm họa và hệ thống chăm sóc sức khỏe từ xa.
- Tăng cường năng lực và cải thiện các hệ thống chống chịu với khí hậu và thiên tai trong các lĩnh vực phát triển con người (y tế, giáo dục, nước và vệ sinh).
- Ưu tiên phòng ngừa và chuẩn bị sẵn sàng cho một đại dịch tiếp theo thông qua tăng cường giao diện giữa con người với động vật và môi trường.

Lý thuyết về sự thay đổi: Đề xuất của Liên hợp quốc và các chỉ tiêu Không để lại ai phía sau (KNOB)

Các nhóm LNOB được xác định là :

- | | |
|--|---|
| a) Các dân tộc thiểu số | e) Người LGBTQI; |
| b) Người khuyết tật | f) Những người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, và |
| c) Người di cư | g) Các trọng điểm nhân khẩu học gồm Trẻ em, Thanh niên, Phụ nữ và Người cao tuổi. |
| d) Người dân sống ở vùng dễ bị thiên tai | |



TAI SAO?

- Thiên tai và biến đổi khí hậu của những người sống trong vùng bị thiên tai **ảnh hưởng một cách không cân đối đến sức khỏe, đời sống và sinh kế** của các khu vực đặc biệt là phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và các dân tộc thiểu số.
- Phát triển các-bon thấp, giảm thiểu biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và giảm thiểu các rủi ro sức khỏe liên quan cũng là những lĩnh vực được chú trọng **do tác động nhiều tầng và không cân đối của ô nhiễm và di cư môi trường** đối với người nghèo, người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em, dân tộc thiểu số và người di cư vì môi trường.
- Tập trung vào những vấn đề này sẽ có tác dụng **thúc đẩy tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho các nhóm dễ bị tổn thương này**, thúc đẩy nền kinh tế xanh và ủng hộ hành động khí hậu tuân thủ quyền con người.

Các vấn đề xuyên suốt

Các ưu tiên xuyên suốt để hướng dẫn và tập trung giám sát khung hợp tác đã được xác nhận là :

- (a) Quyền con người;
- (b) Công bằng và bao trùm;
- (c) Bình đẳng giới;
- (d) Biến đổi khí hậu;
- (e) Ứng phó Nhân đạo & Đại dịch.



Giả định, rủi ro và quan hệ đối tác

Lý thuyết về sự thay đổi dựa trên **giả định tổng thể** rằng người dân Việt Nam sẽ tiếp tục quan tâm và nêu lên những quan ngại về các vấn đề môi trường.

Rủi ro được xác định là:

- mức độ cam kết thấp của chính phủ hoặc hỗ trợ chính trị cho các giải pháp mới và độc đáo.
- hỗ trợ hạn chế cho quyền triệu tập của LHQ trong lĩnh vực này và hỗ trợ của LHQ về đổi mới và chuyển giao công nghệ.
- tắc nghẽn của sự tham gia hạn chế của khu vực tư nhân
- nhiệm vụ chòng chéo của các bộ chính phủ cũng được coi là rào cản cho sự tiến bộ

Quan hệ đối tác sẽ cần bao gồm nhiều bên liên quan khác nhau theo cách tiếp cận toàn xã hội

- Đối tác với các Tổ chức Tài chính Quốc tế và các đối tác phát triển để huy động các nguồn lực cần thiết tài trợ cho các mục tiêu phát triển bền vững và thúc đẩy đổi mới.
- Mở các cuộc đối thoại mới để huy động và thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.
- Tận dụng các mối quan hệ đối tác của LHQ về biến đổi khí hậu, năng lượng sạch, chính sách STEM, đổi mới, hệ thống y tế, và tài chính đổi mới bằng cách thúc đẩy hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp, khu vực học thuật và cộng đồng để đổi mới kinh doanh và các tác động xã hội.
- Liên kết khu vực công và tư nhân, các hiệp hội người sử dụng lao động - người lao động trong việc nuôi dưỡng lực lượng lao động và quan hệ lao động lành mạnh.
- Hợp tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các mạng lưới dân sự và cộng đồng để thúc đẩy quản trị tốt, cải cách luật pháp và tư pháp, đồng thời giải quyết các thách thức xã hội.
- Hợp tác với các tổ chức toàn cầu khác và mạng lưới đối tác khu vực để hỗ trợ các vấn đề xuyên biên giới, đặc biệt là về hành động biến đổi khí hậu, ô nhiễm, các IFF và buôn bán người xuyên biên giới.

Câu hỏi hướng dẫn

- (i) Lý thuyết tổng thể về sự thay đổi (ToC) và đề xuất của LHQ có phản ánh thực tế của Việt Nam, lợi thế so sánh của LHQ và các biện pháp thúc đẩy để hỗ trợ tiến độ đạt được các mục tiêu phát triển bền vững không?
- (ii) Các nhóm LNOB mục tiêu có tương ứng với những nhóm có nguy cơ cao nhất không và đề xuất của Liên hợp quốc có đáp ứng đầy đủ các nhu cầu chính của LNOB không?
- (iii) Các vấn đề xuyên suốt có được xác định và nắm bắt một cách chính xác trong cách tiếp cận của LHQ không?
- (iv) Các giả định cho lý thuyết về sự thay đổi có đủ thực tế và toàn diện không? Liệu bất kỳ giả định nào trong số này có thể được giảm thiểu một cách thích đáng thông qua các biện pháp can thiệp do Liên Hợp Quốc đề xuất không?
- (v) Các rủi ro có được nắm bắt đầy đủ và phản ánh tác động tiềm tàng của các sự kiện và khủng hoảng lớn, ví dụ: COVID-19, thiên tai, ô nhiễm ngày càng trầm trọng, v.v... hay không?
- (vi) Quan hệ đối tác chiến lược nào sẽ củng cố đề xuất của Liên hợp quốc? Có các mối quan hệ đối tác / hợp tác bổ sung nào có thể có tác động chuyển đổi trong việc đạt được lý thuyết về sự thay đổi không?



CẢM ƠN!

FOLLOW US
@SOCIAL MEDIA
WEBSITE